

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/DS-PT

Ngày: 27-5-2020

V/v tranh chấp đòi lại tiền hợp tác
mua bán thức ăn nuôi cá

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dừa.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân.

Ông Huỳnh Đắc Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tính - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp đòi lại tiền hợp tác mua bán thức ăn nuôi cá”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 141/2020/QĐPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Dương Văn T, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Hứa Thị D, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Văn T và bà Hứa Thị D: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1960; địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 27/3/2019, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Dương Văn T và bà Hứa Thị D: Ông Nguyễn Thanh H, Luật sư Văn phòng luật sư Thanh H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị N: Ông Huỳnh Duy K, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2019, ngày 06/8/2019, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn H: Ông Tô Vĩnh H, Luật sư Công ty luật TNHH N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp D, xã N, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. (xin xét xử vắng mặt)

- Người làm chứng: Ông Trịnh Quốc H, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị N là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Năm 2012, ông Dương Văn T, bà Hứa Thị D và ông Nguyễn Văn H hợp tác làm ăn, ông Dương Văn T bán thức ăn nuôi cá lóc cho ông vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị N bán lại để hưởng hoa hồng mỗi bao ông Nguyễn Văn H được hưởng 10.000 đồng, được thời gian sau thì lợi nhuận chia đôi. Việc mua bán giữa ông Dương Văn T với ông Nguyễn Văn H thỏa thuận miệng không lập văn bản; đến khoảng năm 2014, ông Nguyễn Văn H lấy phẩm chỗ khác nên ông Dương Văn T gặp ông Nguyễn Văn H để chốt sổ và rút vốn vào năm 2014 tổng số phẩm giao cho ông Nguyễn Văn H là 7.940 bao, trừ đi 1.635 bao phẩm (ông Nguyễn Văn H cho rằng 1.624 bao) mà ông Dương Văn T lấy hùn nuôi cá với ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Thành V; nên khi tính sổ với ông Nguyễn Văn H, thì ông Nguyễn Văn H chỉ còn nợ ông Dương Văn T 6.305 bao phẩm sau đó nhận 30 bao mới chưa tính nên cộng chung là 6.335 bao phẩm bằng số tiền 2.479.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn H ký nhận nợ và có trả được vài lần. Sau khi chốt đến ngày 04/02/2016, ông Nguyễn Văn H

còn nợ lại số tiền 1.561.378.000 đồng, số tiền nợ này ông Nguyễn Văn H không trả. Nay, ông Dương Văn T yêu cầu buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H trả tiền gốc 1.561.378.000 đồng và tiền lãi (lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 04/02/2016 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án).

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Ông Nguyễn Văn H thừa nhận có hợp tác mua bán thức ăn nuôi cá với ông Dương Văn T, ông Nguyễn Văn H cũng thừa nhận còn thiếu ông Dương Văn T số tiền mua thức ăn 1.561.378.000 đồng; nhưng ông Nguyễn Văn H chỉ đồng ý trả cho ông Dương Văn T, bà Hứa Thị D số tiền 773.738.000 đồng, số tiền còn lại ông Nguyễn Văn H không đồng ý trả vì ông Nguyễn Văn H cho rằng vào tháng 7/2014 ông Nguyễn Thành V đã trả thay cho ông số tiền 787.640.000 đồng (tiền 1.624 bao phẩm do ông Dương Văn T lấy hùn nuôi cá lóc).

Bà Lê Thị N vợ ông Nguyễn Văn H cho rằng việc ông Nguyễn Văn H hợp tác mua bán với vợ chồng ông Dương Văn T bà không biết nên bà không có nghĩa vụ cùng với ông Nguyễn Văn H trả tiền cho bà Hứa Thị D, ông Dương Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành V trình bày: Năm 2014, ông với ông Nguyễn Văn N, ông Dương Văn T có thuê ao tại ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh để hùn nuôi cá lóc, thức ăn nuôi cá do ông Dương Văn T đầu tư lấy phẩm từ ông Nguyễn Văn H bán. Sau khi bán cá, toàn bộ số tiền bán cá đủ trả tiền phẩm cho ông Nguyễn Văn H, số tiền này ông đã giao cho ông Dương Văn T xong. Do đó việc thiếu tiền giữa ông Dương Văn T với ông Nguyễn Văn H tự giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N trình bày: Khoảng năm 2013, ông với ông Dương Văn T, ông Nguyễn Thành V hùn nuôi cá lóc 02 vụ. Thức ăn nuôi cá lóc lấy của ông Nguyễn Văn H; chi phí nuôi 02 vụ bị lỗ, mỗi người phải bù khoảng 50.000.000 đồng mới trả đủ cho ông Nguyễn Văn H và đã trả xong. Do ông Nguyễn Thành V, ông Dương Văn T tính với ông Nguyễn Văn H ông không còn liên quan.

Tại bản án sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 118, 119, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T, bà Hứa Thị D về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị N phải trả cho ông Dương Văn T, bà Hứa Thị D số tiền vốn và lãi bằng 2.126.284.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị N phải trả cho ông Dương Văn T, bà Hứa Thị D tổng số tiền vốn và lãi bằng 2.126.284.000 đồng (vốn 1.561.378.000 đồng, lãi 564.906.000 đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị N chỉ đồng ý trả cho ông Dương Văn T và bà Hứa Thị D số tiền còn nợ bằng 773.738.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Về quan hệ pháp luật tranh chấp đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng hợp tác trong dân sự chứ không phải quan hệ đòi lại tài sản nên việc xác định quan hệ tranh chấp của cấp sơ thẩm là chưa phù hợp; việc trả nợ là có con của bị đơn tên H1 nhưng cấp sơ thẩm không đưa con của bị đơn vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Về nội dung án sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 2.126.284.000 đồng (vốn 1.561.378.00 đồng, lãi 564.906.000 đồng) là chưa phù hợp vì trong tờ chốt nợ ngày 09/10/2014 nguyên đơn chưa trừ phần tiền ông Dương Văn T lấy phẩm của ông Nguyễn Văn H 1.624 bao (ông Dương Văn T cho rằng 1.635 bao) để hùn nuôi cá lóc với ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Thành V, nguyên đơn cũng không có gì chứng minh là đã khấu trừ số tiền này; việc hợp tác mua bán giữa các bên không có hợp đồng, không có thỏa thuận nào về thời gian trả nợ và không có thỏa thuận việc trả lãi, nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi là không đúng và theo quy định của pháp luật thì quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản không quy định tính lãi, trường hợp hợp tính lãi thì đề nghị xem xét thời gian chốt nợ cuối cùng của nguyên đơn là ngày 13/8/2018 để tính lãi cho phù hợp; phần tiền hoa hồng các bên thỏa thuận 10.000 đồng/01 bao phẩm chưa được làm rõ, số tiền này đã có tính cho bị đơn hay chưa và số tiền chênh lệch giữa tờ chốt nợ ngày 09/10/2014 và tờ giấy ông Dương Văn T ghi ngày 29/8/2014 do bị đơn nộp tại cấp phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; án sơ thẩm buộc bà Lê Thị N là vợ của ông Nguyễn Văn H cùng liên đới trả nợ cho nguyên đơn là không phù hợp vì việc hợp tác mua bán giữa ông Dương Văn T và ông Nguyễn Văn H như thế nào thì bà Lê Thị N không biết, ông Nguyễn Văn H cũng cho rằng việc hợp tác làm ăn của ông với ông Dương Văn T thì bà Lê Thị N không biết nên bà Lê Thị N không có nghĩa vụ phải trả nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm; trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí phúc thẩm cho bị đơn do bị đơn là người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Về thủ tục tố tụng cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản là chưa phù hợp, tuy nhiên không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm không đưa con của bị đơn là bà H1 vào tham gia tố tụng là thiếu sót nhưng sự việc trả tiền của bà H1 thay cho bị đơn thì ông Dương Văn T đã thừa nhận, các bên đương sự không có tranh chấp phần tiền bị đơn đã trả nên không cần phải đưa bà H1 vào tham gia tố tụng. Về nội dung, sự việc hợp tác làm ăn giữa nguyên đơn và bị đơn không phải là hùn vốn mà đây là sự mua bán đứt đoạn nên mới có sự chót nợ và khi chót nợ ngày 09/10/2014 thì ông Nguyễn Văn H cũng thống nhất là còn nợ nguyên đơn số tiền 2.479.387.000 đồng, khi chót nợ ông Dương Văn T đã khấu trừ 1.635 bao phẩm lấy của ông Nguyễn Văn H để hùn nuôi cá với ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Thành V, đồng thời cũng đã khấu trừ số tiền hoa hồng 10.000 đồng/01 bao cho ông Nguyễn Văn H chỉ tính tiền vốn, sau khi chót nợ thì ông Nguyễn Văn H và con của ông Nguyễn Văn H tên H1 đã trả cho ông Dương Văn T 08 lần bằng 918.000.000 đồng. Việc bà Lê Thị N cho rằng sự việc hợp tác mua bán thức ăn nuôi cá (phẩm) với ông Dương Văn T là do ông Nguyễn Văn H tự làm một mình bà không biết và không có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là không có cơ sở; vì việc mua bán, vận chuyển, bảo quản thức ăn tại nhà vợ chồng bà Lê Thị N có số lượng lớn và diễn ra từ năm 2012 đến năm 2014 nên bà Lê Thị N cho rằng không biết là không đúng; tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H khai tiền mua bán thức ăn dùng để nâng vốn làm ăn là tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng nên bà Lê Thị N phải có nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng. Đối với phần tiền lãi kể từ ngày hai bên chót nợ ngày 04/02/2016 và bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, còn ngày 13/8/2018 là bị đơn nại ra việc nguyên đơn chưa trừ tiền bán cá và không chịu trả nên nguyên đơn mới biết quyền lợi của mình bị xâm phạm nên án sơ thẩm xử buộc bị đơn trả lãi 10%/năm tính từ ngày chót nợ là ngày 04/02/2016 là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn và lãi bằng 2.126.284.000 đồng là đúng quy định. Bởi vì, vào ngày 09/10/2014 ông Dương Văn T và ông Nguyễn Văn H có chót nợ hai bên thống nhất ông Nguyễn Văn H còn nợ ông Dương Văn T tổng số tiền 2.479.387.000 đồng (với số bao phẩm là 7.940 và đã có trừ 1.635 bao ông Dương Văn T lấy để hùn nuôi cá với ông Nguyễn Thành V, ông Nguyễn Văn N), sau khi chót nợ với số tiền trên ông Nguyễn Văn H và con ông Nguyễn Văn H là bà H1 có trả cho ông Dương Văn T nhiều lần với số tiền 918.009.000 đồng, ngày chót nợ cuối cùng ngày 04/02/2016

thì ông Nguyễn Văn H còn nợ ông Dương Văn T số tiền 1.561.378.000 đồng. Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, biên bản đối chất giữa ông Dương Văn T và ông Nguyễn Văn H ngày 26/7/2019 (BL 144), tại biên bản hòa giải ngày 06/8/2019 (BL 118-120) phía ông Nguyễn Văn H vẫn thừa nhận nợ ông Dương Văn T 7.940 bao phẩm, cũng như tại biên bản ghi lời khai ngày 05/12/2018 của ông Nguyễn Văn H tại Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Trà Vinh thì ông Nguyễn Văn H thừa nhận nợ ông Dương Văn T hơn 1,5 tỷ đồng, nhưng do các hộ dân mua thức ăn nuôi cá lóc còn nợ ông nên ông không có tiền mặt để trả ông Dương Văn T. Từ phân tích trên, xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị N không có cơ sở chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị N còn trong hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung vụ án:

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị N không đồng ý án sơ thẩm buộc vợ chồng ông bà trả tiền vốn và lãi cho nguyên đơn bằng 2.126.284.000 đồng, cho rằng chưa trừ 1.635 bao phẩm (1.624 bao phẩm) do ông Nguyễn Thành V trả thay số tiền 787.640.000 đồng là không phù hợp; bởi lẽ, sau khi hai bên chốt nợ đã thống nhất ông Nguyễn Văn H còn nợ ông Dương Văn T số tiền 2.479.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn H đã trả tiền cho ông Dương Văn T nhiều lần đến ngày 04/02/2016 ông Nguyễn Văn H vẫn thừa nhận còn thiếu ông Dương Văn T số tiền 1.561.378.000 đồng (BL 12, 13, 14, 146, 147); số tiền này nguyên đơn đòi nhiều lần bị đơn không trả, nên năm 2018 nguyên đơn làm đơn yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Trà Vinh làm việc thì ông Nguyễn Văn H thừa nhận còn thiếu tiền hợp tác mua bán thức ăn nuôi cá của ông Dương Văn T là 1.561.378.000 đồng nhưng do còn nhiều người mua phẩm chưa trả tiền cho ông, ông Nguyễn Văn H cũng không có khiếu nại việc ông Dương Văn T chưa trừ phần tiền 1.635 bao phẩm mà ông Nguyễn Thành V trả thay cho ông; mặt khác trong thời gian dài trước khi phát sinh tranh chấp, ông Nguyễn Văn H cũng không yêu cầu nguyên đơn cản trừ tiền của 1.635 bao phẩm này; còn ông Dương Văn T thì chứng minh 7.940 bao phẩm mà ông Nguyễn Văn H nợ, ông chỉ tính có 6.305 bao cộng với 30 bao phẩm nhận sau chưa tính cộng vào là 6.335 bao phẩm và hai

bên đã thống nhất ông Nguyễn Văn H còn nợ ông Dương Văn T số tiền 2.479.000.000 đồng mua bán phẩm (BL 146, 147).

[3] Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị N cho rằng án sơ thẩm buộc bà Lê Thị N cùng ông Nguyễn Văn H trả tiền vốn và lãi 2.126.284.000 đồng cho nguyên đơn là không đúng, với lý do bà Lê Thị N không biết việc hợp tác mua bán giữa ông Nguyễn Văn H với nguyên đơn. Xét quá trình hợp tác mua bán phẩm nuôi cá với khối lượng lớn diễn ra công khai tại nhà ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị N trong thời gian dài từ năm 2012 đến 2014, việc xây dựng kho bảo quản phẩm tại đất nhà của vợ chồng mà bà Lê Thị N cho rằng không biết là không có cơ sở chấp nhận; mặt khác, việc mua bán này ông Nguyễn Văn H khai tại phiên tòa phần tiền lời dùng để nâng vốn mua bán sử dụng vào mục đích của gia đình, đây là quyền và nghĩa vụ của vợ chồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên án sơ thẩm xử buộc bà Lê Thị N cùng với ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn H xuất trình tờ giấy ông Dương Văn T ghi ngày 29/8/2014 ông Dương Văn T có số tiền 2.384.784.250 đồng, ông cho rằng chứng cứ này không phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; đại diện cho nguyên đơn cho rằng đây là tờ tính nháp nguyên đơn đưa cho ông Nguyễn Văn H tham khảo nên các bên không có ký để xác nhận và tờ giấy này có trước ngày chốt nợ là ngày 09/10/2014, sau khi chốt nợ thì ông Nguyễn Văn H và con ông Nguyễn Văn H tên H1 trả nợ nhiều lần và thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 1.561.378.000 đồng nên lời nại ra của ông Nguyễn Văn H không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[5] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ do phát sinh từ quan hệ hợp tác mua bán thức ăn nuôi cá; án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản là chưa phù hợp, nhưng việc xác định này không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các bên nên cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp là đòi lại tiền hợp tác mua bán thức ăn nuôi cá; cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong quá trình giải quyết.

[6] Từ các nhận định và phân tích nêu trên, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận; ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và ý kiến của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị N là người cao tuổi có yêu cầu xin miễn án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị N được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị N.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T và bà Hứa Thị D về yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị N phải trả cho ông Dương Văn T và bà Hứa Thị D số tiền vốn và lãi bằng 2.126.284.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị N phải trả cho ông Dương Văn T và bà Hứa Thị D tổng số tiền vốn và lãi bằng 2.126.284.000 đồng (vốn 1.561.378.000 đồng, lãi 564.906.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, về lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị N được miễn án phí phúc thẩm, hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006606 ngày 30/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Dưa